TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 460 /TB-CTSV

Cần Thơ, ngày 29 tháng 12 năm 2017

THÔNG BÁO

Về việc kết quả xét cấp học bổng Nguyễn Trường Tộ, năm học 2017 - 2018

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị có liên quan

Theo thông tin nhận được từ Ban Điều hành Quỹ học bổng Nguyễn Trường Tộ về kết quả xét chọn sinh viên được nhận học bổng Nguyễn Trường Tộ (VNHELP), năm học 2017 - 2018, Trường Đại học Cần Thơ được hỗ trợ **100** suất học bổng, mỗi suất học bổng trị giá tương đương **4.400.000** đồng *(Bốn triệu, bốn trăm ngàn đồng)*, cụ thể như sau:

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành - Khóa	Đơn vị
1	B1507316	Trần Trí Thông	Công nghệ thông tin - K41	Khoa CNTT&TT
2	B1507329	Biện Công Trí	Công nghệ thông tin - K41	
3	B1507380	Nguyễn Vũ Luân	Công nghệ thông tin - K41	
4	B1507384	Võ Trọng Nghĩa	Công nghệ thông tin - K41	
5	B1507412	Nguyễn Thanh Tùng	Công nghệ thông tin - K41	
6	B1702182	Trần Quốc Thịnh	Công nghệ thông tin Chất lượng cao - K43	
7	B1411432	Quách Hoàng Thanh	Hệ thống thông tin - K40	
8	B1505721	Châu Thị Thúy Huy	Hệ thống thông tin - K41	
9	B1704675	Phạm Phước Lộc	Hệ thống thông tin - K43	
10	B1310447	Đỗ Thành Quân	Khoa học máy tính - K39	
11	B1400412	Trương Thái An	Khoa học máy tính - K40	
12	B1400704	Lê Minh Luân	Kỹ thuật phần mềm - K40	
13	B1400714	Trương Tú Oanh	Kỹ thuật phần mềm - K40	
14	B1400743	Võ Thúy An	Kỹ thuật phần mềm - K40	
15	B1400760	Lưu Thị Tuyết Hường	Kỹ thuật phần mềm - K40	
16	B1704735	Nguyễn Quốc Hưng	Kỹ thuật phần mềm - K43	
17	B1400984	Đặng Trọng Phú	Tin học Ứng dụng - K40	
18	B1507092	Huỳnh Long Hồ	Tin học Ứng dụng - K41	
19	B1507368	Nguyễn Gia Hưng	Tin học Ứng dụng - K41	
20	B1509663	Đoàn Thị Huyền Trân	Truyền thông và mạng máy tính - K41	
21	B1509710	Nguyễn Hữu Tài	Truyền thông và mạng máy tính - K41	
22	B1709336	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Truyền thông và mạng máy tính - K43	
23	B1709371	Trần Thị Thanh Thủy	Truyền thông và mạng máy tính - K43	
24	B1510417	Ngô Khả Như	Luật hành chính - K41	Khoa PTNT
25	B1510803	Đặng Ngọc Yến	Ngôn ngữ Anh - K41	
26	B1510292	Lê Văn Sang	Quản trị kinh doanh - K41	
27	B1510303	Nguyễn Thị Diễm Trinh	Quản trị kinh doanh - K41	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành - Khóa	Đơn vị
28	B1410674	Nguyễn Thanh Nhàn	Xây dựng dân dụng và công nghiệp - K40	
29	B1507891	Trần Thị Thiên Kim	Kinh doanh quốc tế - K41	Khoa Kinh tế
30	B1507920	Lưu Nguyễn Anh Thư	Kinh doanh quốc tế - K41	
31	B1507952	Đỗ Trường Khang	Kinh doanh quốc tế - K41	
32	B1401898	Nguyễn Thị Diễm My	Quản trị kinh doanh - K40	
33	B1503150	Ngô Thị Thúy Liễu	Luật hành chính - K41	Khoa Luật
34	B1602323	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên	Luật tư pháp - K42	
35	B1503287	Cang Hoàng Mến	Khoa học môi trường - K41	Khoa Môi trường & TNTN
36	B1505999	Mai Thanh Đầy	Kỹ thuật tài nguyên nước - K41	
37	B1404788	Phạm Thành Đạt	Quản lý đất đai - K40	
38	B1500418	Dương Vũ Kiệt	Quản lý tài nguyên và môi trường - K41	
39	B1406081	Nguyễn Thanh Phong	Bảo vệ thực vật - K40	Khoa Nông nghiệp & SHUD
40	B1501235	Nguyễn Lê Hoàng	Chăn nuôi - Thú y - K41	
41	B1501294	Đoàn Thị Mỹ Hảo	Chăn nuôi - Thú y - K41	
42	B1504864	Hoàng Thị Ngọc	Khoa học đất - K41	
43	B1507430	Lê Ngọc Lể	Sinh học Ứng dụng - K41	
44	B1406429	Võ Thị Minh Thùy	Thú y - K40	
45	B1508594	Lê Thị Yến Nhi	Giáo dục Tiểu học - K41	Khoa Sư phạm
46	B1508603	Thạch Thị Bé Phương	Giáo dục Tiểu học - K41	
47	B1508606	Kim Thị Ngọc Tâm	Giáo dục Tiểu học - K41	
48	B1601014	Bùi Thị Lam Tuyền	Sư phạm Ngữ văn - K42	
49	B1406618	Trần Nhật Tân	Sư phạm Toán học - K40	
50	B1406643	Lý Ngọc Chi	Sư phạm Toán học - K40	
51	B1500789	Hoàng Thị Bích Huyền	Sư phạm Vật lý - K41	
52	B1408025	Tào Thanh Tuấn	Cơ khí chế tạo máy - K40	Khoa Công nghệ
53	B1503914	Nguyễn Quốc Anh	Cơ khí chế tạo máy - K41	
54	B1603467	Huỳnh Văn Truyền	Cơ khí chế tạo máy - K42	
55	B1702620	Trần Minh Hiếu	Cơ khí chế tạo máy - K43	
56	B1702765	Võ Minh Sự	Cơ khí chế tạo máy - K43	
57	B1407916	Ngô Minh Tý	Cơ khí giao thông - K40	
58	B1407570	Nguyễn Dương Tuấn Anh	Công nghệ kỹ thuật hóa học - K40	
59	B1407594	Nguyễn Quốc Khánh	Công nghệ kỹ thuật hóa học - K40	
60	B1506969	Nguyễn Thị Hồng Thảo	Công nghệ kỹ thuật hóa học - K41	
61	B1507008	Trần Thị Trúc Linh	Công nghệ kỹ thuật hóa học - K41	
62	B1606698	Bùi Xuân Bách	Công nghệ kỹ thuật hóa học - K42	
63	B1606710	Võ Ngọc Hiếu	Công nghệ kỹ thuật hóa học - K42	
64	B1606741	Bùi Thị Ngọc Như	Công nghệ kỹ thuật hóa học - K42	
65	B1706284	Cao Công Đoàn	Công nghệ kỹ thuật hóa học - K43	
66	B1509414	Đoàn Hoàng Thịnh	Kỹ thuật cơ - điện tử - K41	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành - Khóa	Đơn vị
67	B1609347	Phạm Văn Thắng	Kỹ thuật cơ - điện tử - K42	
68	B1705005	Lê Ngọc Long	Kỹ thuật công trình xây dựng - K43	
69	B1705011	Châu Thanh Mộng	Kỹ thuật công trình xây dựng - K43	
70	C1700073	Nguyễn Minh Duy	Kỹ thuật công trình xây dựng (Liên thông CĐ lên ĐH) - K43	
71	B1504285	Trần Văn Đạt	Kỹ thuật điện - K41	
72	B1408444	Triệu Đức Trung	Kỹ thuật điện tử, truyền thông - K40	
73	B1408491	Nguyễn Duy Thịnh	Kỹ thuật điện tử, truyền thông - K40	
74	B1509309	Huỳnh Thế Hiển	Kỹ thuật điện tử, truyền thông - K41	
75	B1609118	Nguyễn Thị Kim Nguyên	Kỹ thuật điện tử, truyền thông - K42	
76	B1708870	Nguyễn Thanh Hậu	Kỹ thuật điện tử, truyền thông - K43	
77	B1509519	Trần Hửu Nghị	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - K41	
78	B1704944	Nguyễn Ngọc Việt	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông - K43	
79	B1411497	Nguyễn Thị Tú Nhi	Quản lý công nghiệp - K40	
80	B1505268	Huỳnh Tuấn Anh	Quản lý công nghiệp - K41	
81	B1505361	Mai Phúc Loan	Quản lý công nghiệp - K41	
82	B1505403	Lê Thị Hà Yên	Quản lý công nghiệp - K41	
83	B1604808	Phạm Thị Hồng Dân	Quản lý công nghiệp - K42	
84	B1503607	Phạm Anh Thư	Xây dựng cầu đường - K41	
85	B1409084	Nguyễn Văn Thanh	Xây dựng công trình thủy - K40	
86	B1503651	Lai Thị Thúy Hằng	Xây dựng công trình thủy - K41	
87	B1408750	Nguyễn Phú Cường	Xây dựng dân dụng và công nghiệp - K40	
88	B1408850	Nguyễn Thanh Trọng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp - K40	
89	B1408873	Trần Văn Cần	Xây dựng dân dụng và công nghiệp - K40	
90	B1408929	Dương Thoại Nguyên	Xây dựng dân dụng và công nghiệp - K40	
91	B1503471	Nguyễn Hữu Tấn	Xây dựng dân dụng và công nghiệp - K41	
92	B1503612	Trần Tấn Tới	Xây dựng dân dụng và công nghiệp - K41	
93	B1602745	Nguyễn Công Bằng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp - K42	
94	B1602828	Lê Văn Thoại	Xây dựng dân dụng và công nghiệp - K42	
95	B1409175	Đỗ Thị Diễm	Công nghệ chế biến thủy	Khoa Thủy sản

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành - Khóa	Đơn vị
			sản - K40	
96	B1505232	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	Công nghệ chế biến thủy sản - K41	
97	B1501442	Trần Anh Thư	Nuôi trồng thủy sản - K41	
98	B1507374	Trần Mọng Kiệp	Nuôi trồng thủy sản tiên tiến - K41	
99	B1508171	Lê Thị Chúc Duy	Hướng dẫn viên du lịch - K41	Khoa KHXH &NV
100	B1508212	Huỳnh Ngọc Phượng	Hướng dẫn viên du lịch - K41	

Tổng số theo danh sách có 100 sinh viên.

Thời gian, địa điểm tổ chức lễ trao học bổng sẽ có thông báo sau.

Phòng Công tác Sinh viên xin thông tin đến Quý thủ trưởng các đơn vị được rõ.

Trân trọng kính chào./.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thanh Tường

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: CTSV.